|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT HUYỆN BA CHẼ  **TRƯỜNG PTDT BT THCS NAM SƠN** | Tiết theo PPCT: 11 |

**ĐỀ KIỂM TRA MỘT TIẾT**

**MÔN: Đại số – lớp 8**

***(Thời gian làm bài: 45 phút)***

**a. Ma trận đề kiểm tra.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biêt** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | **Cộng** |
| **Thấp** | | **Cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1. Nhân đa thức.** | ­ | | - Hiểu được phép nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức. | | - Vận dụng được phép nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức. | |  | |  |
| *Số câu hỏi* |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  | **2** |
| *Số điểm* |  |  | *1* |  |  | *1* |  |  | ***2 đ*** |
| *Tỉ lệ %* |  |  | *10%* |  |  | *10%* |  |  | *20%* |
| **2. Những hằng đẳng thức đáng nhớ.** | - Nhận biết được các hằng đẳng thức. | | Hiểu được các hằng đẳng thức. | | - Vận dụng được các hằng đẳng thức. | | - Vận dụng được các hằng đẳng thức. | |  |
| *Số câu hỏi* | 1 |  | 1 |  | 1 |  |  | 1 | **4** |
| *Số điểm* | *1* |  | *1* |  | *1* |  |  | *1* | ***4 đ*** |
| *Tỉ lệ %* | *10%* |  | *10%* |  | *10%* |  |  | *10%* | *40%* |
| **3. Phân tích đa thức thành nhân tử.** |  | | - Hiểu được phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung và phương pháp dùng hằng đẳng thức | | - Vận dụng được phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung và phương pháp dùng hằng đẳng thức | |  | |  |
| *Số câu hỏi* |  |  | *1* |  |  | *2* |  |  | ***3*** |
| *Số điểm* |  |  | *1* |  |  | *3* |  |  | ***4 đ*** |
| *Tỉ lệ %* |  |  | *10%* |  |  | *30%* |  |  | *40%* |
| **TS câu hỏi** | **1** | | **3** | | **4** | | **1** | | **9** |
| **TS điểm** | **1** | | **3** | | **5** | | **1** | | **10 đ** |
| **Tỉ lệ %** | *10%* | | *30%* | | *50%* | | *10%* | | *100%* |

**b. Đề kiểm tra.**

**Phần I. Trắc nghiệm:** (*5 điểm)* Hãy chọn đáp án đúng.

**Câu 1:** Kết quả của phép nhân 2x(3x2 – 5y) là:

A. 5x3 + 6xy C. 6x3 -10xy

B. 5x3 - 6xy D. 6x3 + 10xy

**Câu 2:** Chọn đẳng thức đúng trong các đẳng thức sau:

A. (x + y)2 = x2 – 2xy + y2 C. x2 + y2 = (x – y)(x + y)

B. (x – y)3 = x3 – 3x2y + 3xy2 – y3 D. (x + y)3 = x3 – 3x2y + 3xy2 – y3

**Câu 3:** Giá trị của biểu thức x3 + 3x2 + 3x + 1 tại x = 2 là:

A. 27 B. -27 C. 9 D. -9

**Câu 4:** Kết quả của phép nhân: (a + b)(a2 - ab + b2) là:

A. a3+b3 B. a3 - b3 C. (a - b)3 D. (a+b)3

**Câu 5:** Phân tích đa thức x2 – 2x thành nhân tử ta được kết quả là:

A. 2(x – 1) B. x(x – 2) C. x(x + 2) D. x(x2 - 2)

**Phần II. Tự luận:** *(5 điểm)*

**Bài 1:** *(1 điểm)* Rút gọn các biểu thức: (x – 3)(x +2) + x(1 – x)

**Bài 2:** *(2 điểm)* Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a) 5x2 – 10x

b) x2 – 9

**Bài 3:** *(1 điểm)* Tìm x, biết: x(x2 – 4) = 0

**Bài 4:** *(1điểm)* Tìm giá trị nhỏ nhất của đa thức sau:

f(x) = x2 – 4x + 9

**c. Đáp án – biểu điểm**

**Phần I. Trắc nghiệm:** *(5 điểm)* Mỗ đáp án đúng được 1 điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Đáp án | C | B | A | A | B |

**Phần II. Tự luận:** *(5 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **1**  *(1đ)* | (x – 3)(x +2) + x(1 – x)  = x2 + 2x – 3x - 6 + x – x2  = -6 | 0,5  0,5 |
| **2**  *(2đ)* | a) 5x2 - 10x = 5x(x - 2) | 1 |
| b) x2 – 9 = (x+3)(x-3) | 1 |
| **3**  *(1đ)* | x(x2 - 4) = 0  =>x(x+2)(x-2)=0  =>x = 0 hoặc x = -2 hoặc x = 2 | 0,5  0,5 |
| **4**  *(1đ)* | f(x) = x2 – 4x + 9  = x2 -2.2.x+4+5  = (x-2)2+5  5 với mọi x  Vậy GTNN của f(x) là 5 tại x = 2 | 0,5  0,25  0,25 |

***Học sinh trình bày theo cách khác, đúng vẫn cho điểm tối đa.***